

TUẦN 5**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****SINH HOẠT DƯỚI CỜ TOÀN TRƯỜNG****TIẾNG VIỆT****CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ****BÀI 9: TRƯỚC CÔNG TRỜI****ĐỌC: TRƯỚC CÔNG TRỜI (Tiết 29)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước công trời. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết thể thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi.

- Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,...qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,...Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hòa với thiên nhiên và đầy sức sống. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')****Giới thiệu về chủ điểm.**

- GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi:

+ Bức tranh vẽ những gì?

- GV nhận xét và chốt: Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang khám phá thế giới xung quanh rộng lớn, tươi đẹp, chứa đựng bao điều mới lạ, bổ ích. Đó cũng là chủ điểm thứ hai của môn học Tiếng Việt: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

- GV cho HS quan sát tranh và cho biết vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “công trời”?

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Khám phá (18 – 20’)

a. Luyện đọc

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- GV chia khổ thơ: 6 khổ (4 dòng thơ một khổ)

- GV gọi 6 HS đọc nối tiếp khổ thơ.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *ngút ngát, ngút ngàn, nguyên sơ, vật nung, lòng thung, ...*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Giữa hai bên vách đá/

Mở ra một khoảng trời/

Có gió thoảng, mây trôi/

Cổng trời trên mặt đất?//

- GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ đầu

- GV mời 6 HS đọc nối tiếp đoạn.

- GV nhận xét tuyên dương.

b. Tìm hiểu bài

* Giải nghĩa từ.

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)

- + Nguyên sơ: vẫn còn nguyên vẻ đẹp như lúc ban đầu.
- + Vạt nương: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi, núi.
- + Triền: dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.
- + Sương giá: sương lạnh buốt (vào mùa đông).

*** Trả lời câu hỏi:**

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời” theo hình dung của em.

Khung cảnh cổng trời: Khoảng trời ở giữa hai bên vách đá cao, gió thoảng, mây trôi sà xuống, tạo nên một cảm giác thanh bình và tự nhiên.

+ Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?

Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh như ngút ngàn sắc hoa, thác reo, đàn dê siu đầy suối, cánh rừng nguyên sơ, một cánh đồng mênh mông, lúa chín ngập lòng thung, và tiếng nhạc ngựa rung.

Trong số các hình ảnh này, hình ảnh về cánh đồng mênh mông với lúa chín là thú vị nhất vì nó tạo ra một hình ảnh rộng lớn và phong phú về sự sống và màu sắc tự nhiên

+ Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?

Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có điểm chung là họ đều thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày trong thiên nhiên. Người Tày, người Giáy, người Dao đều được mô tả trong việc gặt lúa, trồng rau, đi tìm măng và hái nấm, cho thấy sự gắn kết của họ với tự nhiên và cuộc sống bền vững theo mùa.

+ Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?

Cảnh rừng sương giá trở nên ấm lên chủ yếu do sự giao hòa giữa ánh nắng chiều và gió thổi. Mặc dù có sương giá, nhưng ánh nắng và gió thổi tạo ra một không khí dễ chịu và ấm áp, làm cho cảnh vật trở nên ấm áp và tươi mới.

+ Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ.

Chủ đề bài thơ là thiên nhiên tươi đẹp và sự gắn kết của con người với thiên nhiên.

- GV nhận xét, tuyên dương
- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.
- GV nhận xét và chốt:

Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (5 – 7')

Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện, làm việc cả lớp:
- + GV mời đại diện 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.
- + GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
- + GV hướng dẫn HS đọc theo cặp hoặc nhóm 3 em.
- + Yêu cầu HS đọc theo cặp
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 – 3')

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Trước công trời”
- Chia sẻ với bạn bè về những bộ sưu tầm của bản thân.
- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 9: TRƯỚC CÔNG TRỜI

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐỒNG NGHĨA (Tiết 30)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giúp học sinh nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp dưới.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS đọc đoạn thơ và tìm các từ có nghĩa giống nhau:

Cò mải mê nhặt ốc
Chui giữa lách với lau
Đôi cánh cò trắng phau
Bị lấm đầy bùn đất.

Nhưng có biết ở sạch
Vội vã bước ra sông
Cò tắm gội sạch bong
Lại tung bay trắng toát.

(Võ Quảng)

- HS trả lời: trắng phau- trắng toát; sạch-sạch bong
- GV nhận xét
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25-27')

Bài 1: Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất, nhặt lá khô, **tha** mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khoẻ và hăng say. Kiến **vác**, kiến **lôi**, kiến **đẩy**, kiến **nhấc** bổng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tíu tít...

(Theo Nguyễn Kiên)

Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi **ban mai**. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hoà vào khúc tấu. Từ **sáng sớm**, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.

(Theo Hữu Vi)

- a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau.
- b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:
- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Dự đoán kết quả:

a. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ hai có nghĩa giống nhau.

b. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất có nghĩa gần giống nhau.

Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất đều có ý nghĩa liên quan đến việc di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác. Nhưng vẫn có sự khác nhau:

- *Khuân: Động tác mang hoặc đặt vật nặng lên vai hoặc lưng để di chuyển.*
- *Tha: Hành động kéo hoặc mang một vật phẩm nặng bằng cách sử dụng sức mạnh cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ như dây thừng.*
- *Vác: Hành động di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác bằng cách nắm hoặc ôm nó.*
- *Nhấc: Hành động tăng cao vị trí của một vật phẩm bằng cách sử dụng cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ, thường được thực hiện từ một vị trí thấp lên vị trí cao hơn.*
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau.

- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài
- a. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó
- b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia
- c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh
- HS làm cá nhân
- Dự đoán kết quả

a. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó

b. non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia

c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh

- GV nhận xét, hỏi HS thế nào là từ đồng nghĩa?

- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xoi, chén,...),

- GV nhận xét, rút ghi nhớ

+ Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xoi, chén,...).

+ Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.

- HS đọc ghi nhớ nhiều lần.

Bài 3. Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?

- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài.

- Cho HS trình bày.

a. Chân yếu tay mềm

b. Thức khuya dậy sớm

c. Đầu voi đuôi chuột

d. Một nắng hai sương

e. Ngăn sông cấm chợ

g. Thay hình đổi dạng

- Học sinh trả lời

- Dự kiến kết quả:

e. Ngăn, cấm

g. Thay - đổi; Hình, dạng

- GV nhận xét, chốt đáp án.

Bài 4: Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.

- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài vào vở theo nhóm 4.

- Cho HS trình bày.

Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bày voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no

nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.

(Theo Vũ Hùng)

- Đại diện nhóm HS trình bày.

- Dự đoán kết quả:

Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá **tốt tươi** tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất **no nê**, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian **đói khát** của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.

- GV nhận xét.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

+ GV chuẩn bị một số từ ngữ để lẫn lộn trong hộp (trắng xóa, mang, xinh đẹp, quả, hổ).

+ Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)

+ Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ đồng nghĩa với từ em bốc được (chỉ người, vật,...) Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc

- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)

- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 9: TRƯỚC CÔNG TRỜI

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiết 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3, 4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS nhắc lại các kiểu bài văn miêu tả đã học.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em đã được tìm hiểu ở lớp dưới cách viết bài văn tả phong cảnh (tức cảnh đẹp thiên nhiên). Tiết Tập làm văn hôm nay các em sẽ được tìm hiểu kĩ hơn về cách viết văn tả phong cảnh qua bài Đà Lạt.

2. Hoạt động Khám phá (10-15')

Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.
- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:
 - Bài văn trên tả gì?
 - Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.
 - Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.
 - Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?
- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời
- GV mời các nhóm trình bày kết quả.
- Mời cả lớp nhận xét.
- Dự kiến kết quả:
 - Bài văn trên tả cảnh Đà Lạt.
 - Mở bài: Từ đầu đến “thông mơ màng”. => Nội dung chính: Giới thiệu phong cảnh sẽ tả.
 - Thân bài: Từ “Nằm trên độ cao” đến “dễ chịu vô cùng”. => Nội dung chính: Tả lần lượt từng phần của Đà Lạt.

- Kết bài: Phần còn lại. => Nội dung chính: Nêu nhận xét, cảm nghĩ của tác giả.

c.

- Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự không gian.

- Những từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh:

+ Vị trí địa lí: độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.

+ Khí hậu: mát mẻ quanh năm.

+ Cảnh vật:

Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi.

Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.

Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thắm xanh màu ngọc bích.

Mặt hồ: trong suốt như pha lê.

+ Vườn hoa: muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ.

+ Vườn rau: xanh tươi.

d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,... Ví dụ: “cảnh đẹp đến nao lòng”, “nơi nghỉ mát lí tưởng”, “tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ”, “thành phố xinh đẹp”

- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết:

- Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

3. Hoạt động Luyện tập (7 – 10')

Bài 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

+ Phong cảnh được miêu tả

+ Bố cục bài văn

+ Trình tự miêu tả

+ Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả

+ Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.

- GV mời cả lớp làm việc nhóm.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:
 - + Phong cảnh được miêu tả: Trước khi bắt đầu viết, cần xác định rõ phong cảnh mình muốn miêu tả, bao gồm các yếu tố như địa hình, thực vật, động vật, khí hậu, ánh sáng, màu sắc, âm thanh và mùi hương.
 - + Bố cục bài văn: Bài văn cần có một phần mở bài giới thiệu phong cảnh, một phần thân bài tả chi tiết về phong cảnh và một phần kết bài để tóm tắt và làm nổi bật lại vẻ đẹp của phong cảnh.
 - + Trình tự miêu tả: Trình tự miêu tả phong cảnh thường được sắp xếp từ các đặc điểm chung nhất đến các chi tiết cụ thể hơn. Ví dụ, có thể bắt đầu bằng mô tả về bức tranh tổng thể của phong cảnh, sau đó đi sâu vào các yếu tố như địa hình, thực vật, và cuối cùng là các yếu tố như ánh sáng, màu sắc và không khí.
 - + Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả: Chọn cảnh vật có ý nghĩa đặc biệt hoặc gợi cảm xúc mạnh mẽ để tăng tính thú vị và sức lôi cuốn của bài văn. Đồng thời, cũng cần chọn các cảnh vật phù hợp với đề tài và mục đích viết.
 - + Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh: Sử dụng ngôn từ mạnh mẽ và hình ảnh sinh động để tạo ra hình ảnh sống động và chân thực về phong cảnh. Đồng thời, cũng cần chú ý đến các yếu tố như ngữ điệu, sự lựa chọn từ ngữ và cú pháp để tạo ra hiệu ứng thú vị và ấn tượng đối với độc giả.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ:

Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:

- + **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về phong cảnh.
- + **Thân bài:** Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.
- + **Kết bài:** Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

1/ Suu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo....).

2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

- GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập.

- GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH

ĐỌC: KÌ DIỆU RỪNG XANH (Tiết 32 + 33)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

- Đọc hiểu: Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh gợi tả không gian được thể hiện trong bài, hiểu được công dụng của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,... trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của rừng. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được từ ngữ, hình ảnh biện pháp so sánh, nhân hóa,... trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của rừng

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS chia sẻ những điều thú vị về rừng theo hiểu biết hoặc theo tưởng tượng của em.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV trình chiếu bức tranh minh họa và dẫn dắt vào bài mới: Đây là cảnh cánh rừng xanh với những màu sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Bài Kì diệu rừng xanh mà chúng ta học ngày hôm nay sẽ đưa các em đến với thế giới thiên nhiên kì thú.

2. Hoạt động Khám phá (25 – 30')

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

GV chia đoạn: Bài đọc được chia thành 3 đoạn:

Đoạn 1: Từ đầu đến lúp xúp dưới chân

Đoạn 2: Từ Nắng trưa đến đưa mắt nhìn theo

Đoạn 3: Phần còn lại

- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp đoạn.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *giang sơn, lúp xúp, mang vàng, len lách, mãi miết, ...*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Tôi có cảm giác/ mình là một người **khổng lồ**/ đang đi lạc đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người **tí hon**.

- GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.

- GV nhận xét tuyên dương.

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.

- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).

- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
- + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
- + GV nhận xét tuyên dương

2.3. Luyện đọc toàn bài.

- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)
- GV mời HS luyện đọc theo cặp.
- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)
- GV nhận xét chung.

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (25 – 30')

a. Giải nghĩa từ.

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.
- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)
- + Tân kì: mới lạ.
- + Vượn bạc má: một loài vượn có chòm long trắng như bông ở hai má.
- + Khộp: cây thân gỗ thẳng, họ dầu, lá to và rụng sớm vào mùa khô.
- + Con mang (con hoẵng): loài thú rừng cùng họ với hươu, sừng bé có hai nhánh, lông màu vàng đỏ.

b. Trả lời câu hỏi

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Vì sao những người đi rừng có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?

Những người đi rừng có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon vì môi trường xung quanh là một thành phố nằm lúp xúp dưới bóng cây thưa với các

công trình kiến trúc tự nhiên như những chiếc nấm to bằng cái ấm tích, mỗi chiếc nấm là một lâu đài kiến trúc tân kì. Cảnh sắc này tạo ra cảm giác như họ là những người khổng lồ trong một thế giới nhỏ bé của những người tí hon.

+ Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?

Muông thú được miêu tả như những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyển nhanh như tia chớp và những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp hoang dã và sống động cho rừng, tạo ra một không gian tự nhiên hoang dã và đa dạng.

+ Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi"?

Cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi" vì màu sắc của nó như một bức tranh mùa thu với lá úa vàng rực rỡ. Khi nắng chiếu qua, những tia ánh sáng tạo ra cảnh sắc lung linh, giống như giang sơn rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời.

+ Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.

Đoạn 1: Thành phố nấm lúp xúp

Đoạn 2: Sự sống động của rừng

Đoạn 3: Cảnh vật rừng khộp

- GV nhận xét, tuyên dương
- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.
- GV nhận xét và chốt: Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả..

c. Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài:
- + Làm việc cả lớp:
 - GV mời đại diện HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.
 - GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
 - GV hướng dẫn HS đọc theo cặp hoặc nhóm.
- + Làm việc cá nhân: Tự đọc thầm diễn cảm lại bài
- GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp.

d. Luyện tập theo văn bản.

- GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.

Câu 1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1 Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?

+ Về thực vật

+ Về động vật

+ Về hiện tượng tự nhiên

- Mời học sinh làm việc nhóm 4.

- Mời đại diện các nhóm trình bày.

- Đại diện các nhóm trình bày.

Trong bài "Kì diệu rừng xanh", các sự vật của tự nhiên được quan sát và miêu tả bao gồm:

+ Về thực vật: Cây, lá, cỏ, cây nấm.

+ Về động vật: Vượn bạc má, chồn sóc, con mang.

+ Về hiện tượng tự nhiên: Nắng, ánh sáng

- Mời các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Câu 2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.

+ gọn ghẽ

+ tí hon

+ thừa thớt

- GV lưu ý học sinh sử dụng các từ ngữ và đặt câu cho phù hợp.

- Mời một số HS trình bày

+ gọn ghẽ: gọn gàng.

Cô gái ấy mặc trang phục gọn gàng và lịch sự.

+ tí hon: nhỏ bé

Những người tí hon sống ở trong những ngôi nhà nhỏ bé dưới gốc cây.

+ thừa thớt: ít ỏi

Rừng trở nên ít ỏi khi cây cỏ bị chặt hạ để làm đường mòn

- GV nhận xét, tuyên dương

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc
- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.
- VD:
 - + Bài đọc rất hay, cảnh vật thật đẹp
 - + Câu văn đầy hình ảnh, gợi âm thanh.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
 - Dặn dò bài về nhà đọc lại bài chia sẻ với người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiết 27)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS nhắc lại cách tả phong cảnh của thành phố Đà Lạt theo trình tự như thế nào? Nêu những chi tiết em còn nhớ trong bài văn miêu tả Đà Lạt

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')

Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.

- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:

a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?

b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.

c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?

d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?

- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:

a. Bài văn tả phong cảnh ở hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội)

b. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần như sau:

Mở bài	Từ đầu đến "xanh gọn sóng"	Giới thiệu khái quát về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm
Thân bài	Từ "Mùa hè" đến "ước mơ bay bổng"	Miêu tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm theo trình tự thời gian (thay đổi qua 4 mùa trong năm)
Kết bài	Phần còn lại	Cảm nhận về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm

c) Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào 4 mùa trong năm (mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu)

Những từ ngữ giúp em nhận ra trình tự đó là: "mùa hè", "về mùa đông", "vào dịp Tết Nguyên đán", "chim hót mùa xuân", "về mùa thu"

d) Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được những vẻ đẹp khác nhau của hồ Hoàn Kiếm vào từng mùa trong năm. Tuy vẫn là địa điểm đó, nhưng mỗi thời điểm khác nhau sẽ mang một vẻ đẹp khác nhau, rất đa dạng và thú vị

- GV mời các nhóm trình bày kết quả.

- Mời cả lớp nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết:

Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

3. Hoạt động Luyện tập (10 – 15')

Bài 1. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

Những điều em học được về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên:

Khi tả phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của năm tháng)

Sử dụng cùng lúc nhiều giác quan để quan sát và cảm nhận cảnh vật

Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa để làm nổi bật đặc điểm cảnh vật

Bài 2: So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

Trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước: Tả lần lượt từng phần, từng mùa của cảnh vật (theo trình tự thời gian). Cùng là một cảnh vật nhưng mỗi phần, mỗi mùa khác nhau thì lại có cách tả vẽ đẹp khác nhau. Khi đọc mỗi đoạn văn, mỗi phần tả, người đọc vẫn hiểu được trọn vẹn vẻ đẹp, nội dung miêu tả về đặc điểm ấy, song chỉ là một phần.

Trình tự miêu tả của bài Đà Lạt: Tả từng vẻ đẹp của phong cảnh (vị trí địa lí, khí hậu, cảnh vật, vườn hoa, vườn rau,...). Mỗi vẻ đẹp đều là vẻ đẹp của Đà Lạt. Song có tính logic cực cao, cần phải đọc tất cả bài văn hoặc nhiều đoạn văn mới có thể hiểu rõ được nội dung miêu tả - ghi nhớ các bộ phận, từng vẻ đẹp được tả để rút ra kết luận chung về vẻ đẹp của Đà Lạt

- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ:

Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng,...) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

1/ Nếu viết bài văn tả phong cảnh? Em sẽ chọn tả phong cảnh gì? Phong cảnh đó ở đâu?
Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào

- GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày miệng.
- GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH

ĐỌC MỞ RỘNG (Tiết 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng.
- Rèn luyện và phát triển kỹ năng chia sẻ kiến thức đã học, đã đọc và kỹ năng trao đổi với bạn bè về những thông tin đã đọc.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

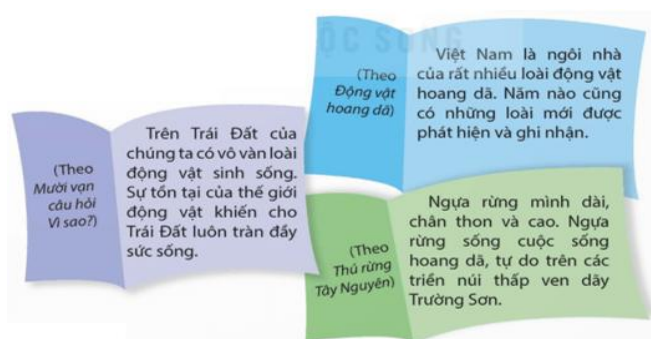
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS xem video Một số loài động vật hoang dã Việt Nam và hỏi HS em có biết động vật hoang dã nào không? Con vật đó có đặc điểm gì?.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em vừa kể tên một số động vật hoang dã. Vậy ngoài những con vật các em kể ra ở Việt Nam và trên thế giới còn những động vật hoang dã nào nữa, chúng có đặc điểm và thói quen như thế nào thì chúng ta cùng tìm hiểu qua bài đọc mở rộng ngày hôm nay

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (22 – 25')

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.



- GV mời HS trình bày kết quả.
- Mời cả lớp nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết.

Bài 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên sách báo: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Nội dung chính: ●	Các loài động vật hoang dã được nói tới: ●	
Những thông tin mới và bổ ích đối với em: ●		Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên sách báo: Thú rừng Tây Nguyên

Tác giả: Thiên Lương

Ngày đọc: 24/10/2024

Nội dung chính: Những câu chuyện dí dỏm, dung dị kể về những chuyến đi săn “cải thiện” của bộ đội Tây Nguyên trong những năm chiến tranh, bom đạn khốc liệt đã cuốn hút hàng trăm ngàn bạn nhỏ. Sau mỗi trang sách, Tây Nguyên hiện ra tuyệt đẹp như một vườn thú tự nhiên khổng lồ rộn tiếng chim kêu, vượn hú, voi rống, hổ gầm..., Thế giới muôn thú với vô vàn tập tính, thói quen khác lạ, ngộ nghĩnh dẫn ta đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Các loài động vật hoang dã được nói tới: Bầy hươu, con lợn rừng, con mang, con voi, ngựa,....

Những thông tin mới và bổ ích đối với em: Mang không phải nai con nhưng cũng có khi đi ăn lẫn với bầy nai, nhờ chân nai đập bật cỏ để ăn.

Mức độ yêu thích: 5 sao

Bài 3: Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm.

Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:

- Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,...).
- Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

Thú rừng Tây Nguyên kể về những câu chuyện dí dỏm kể về những chuyến đi săn “cải thiện” của bộ đội Tây Nguyên trong những năm chiến tranh, bom đạn khốc liệt đã cuốn hút hàng trăm ngàn bạn nhỏ. Sau mỗi trang sách, Tây Nguyên hiện ra tuyệt đẹp như một vườn thú tự nhiên khổng lồ rộn tiếng chim kêu, vượn hú, voi rống, hổ gầm..., Thế giới muôn thú với vô vàn tập tính, thói quen khác lạ, ngộ nghĩnh dẫn ta đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.

- GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày miệng.
- GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

ÔN TẬP TỪ ĐỒNG NGHĨA (Tiết 15)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh hiểu và áp dụng được khái niệm từ đồng nghĩa.
- Học sinh thực hành nhận diện, chọn lọc và sử dụng đúng từ đồng nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng, phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- Hỏi nhanh: "Từ đồng nghĩa là gì?"
- Học sinh nêu định nghĩa ngắn gọn và giáo viên viết vài ví dụ lên bảng.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (22 – 25')

Bài tập 1 - Điền vào chỗ trống

Cảnh vật trưa hè ở đây _____, cây cối đứng _____, không gian _____, không một tiếng động nhỏ."

HS thảo luận nhóm đôi.

Đáp án: vắng lặng, im lìm, yên tĩnh.

Bài tập 2 - Chọn từ đúng

GV đưa ra các câu và yêu cầu học sinh chọn từ đúng:

- Câu văn cần được (đẽo, gọt, gọt giữa, vót, bào) cho trong sáng và súc tích.
- Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (đỏ au, đỏ bừng, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ tía).
- Dòng sông chảy rất (hiền hoà, hiền lành, hiền từ) giữa hai bờ xanh mượt lúa ngô.

HS thảo luận nhóm 4. Đại diện nhóm lên trình bày phương án lựa chọn.

Các nhóm nhận xét.

Đáp án: *gọt giữa, đỏ chói, hiền hòa.*

Bài tập 3: Nhận diện từ không đồng nghĩa

Đưa ra các nhóm từ và yêu cầu học sinh gạch dưới từ không cùng nhóm:

- ngào ngạt, sức nức, thoang thoảng, thơm đậm, thơm ngát*

-> Gạch dưới *thoang thoảng* (Các từ còn lại chỉ mùi hương mạnh).

- xanh mát, xanh thắm, xanh mượt, xanh rì, xanh xanh*

-> Gạch dưới *xanh xanh* (Các từ còn lại chỉ sắc thái xanh).

- thái bình, bình yên, thanh bình, bình thản, hoà bình*

-> Gạch dưới *bình thản* (Các từ còn lại chỉ sự yên bình).

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: tìm các từ đồng nghĩa với từ: nhìn, to...
- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH (Tiết 16 + 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách viết bài văn tả phong cảnh.
- Có kĩ năng quan sát, liên tưởng, tưởng tượng các cảnh vật xung quanh.
- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng
- Phiếu bài tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS xem đoạn clip về cảnh đẹp đất nước
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

2. Hoạt động luyện tập (63-65')

Bài 1. Để làm tốt bài văn tả cảnh, chúng ta cần làm gì? (Ghi số thứ tự vào ô trống theo mức độ quan trọng).

- Yêu thích cảnh vật
 - Liên tưởng
 - Tưởng tượng
 - Trực tiếp quan sát cảnh vật
 - Lập dàn ý có đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- Gọi Hs đọc YC bài tập.
 - Cho Hs trao đổi nhóm đôi, thống nhất ý kiến.

Bài 2. Quan sát cảnh bình minh (hoặc cảnh đêm trăng) và ghi lại những gì em quan sát được.

- GV yêu cầu đọc yêu cầu của bài và xác định yêu cầu trọng tâm.
 - Yêu cầu học sinh đọc phần gợi ý.
- + Cây cối: bừng tỉnh, xanh tốt, mơn mớn,...
- + Ánh sáng: chiếu, tỏa, trải,....
- + Con người: khoai khoái, dễ chịu,...

+ Không khí: trong lành, trong trẻo, thoáng đãng,...

- YC HS suy nghĩ, chuẩn bị các ý kiến rồi trao đổi với các bạn theo nhóm bàn dựa vào các câu hỏi gợi ý.

- GV mời 3 học sinh nêu ý kiến

Hoạt động. Viết đoạn văn

- Yêu cầu học sinh dựa vào phần tìm ý viết đoạn văn

- GV gọi 4-5 em đọc đoạn văn trước lớp.

- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm của bạn.

- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và đặt câu cho các em.

- GV thu vở chấm bài cho 1 số em

- Nhận xét chung về bài làm của cả lớp. Khen ngợi các em làm bài tốt. Lưu ý các lỗi học sinh hay mắc phải

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

+ Tổ chức cho các em thi đua học tập với các bạn trong lớp

+ Tổ chức thi đua đôi bạn cùng tiến để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ

- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (Tiết 9+10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3-5')

- GV cho HS quan sát tranh minh họa và nêu tên dân tộc có trong tranh (Dân tộc Kinh, Tày, Thái, Mường, Ba Na, Chăm).
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nước ta có 54 dân tộc, mỗi dân tộc lại có nét đặc sắc riêng. Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và dân tộc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: **Bài 4– Dân cư, dân tộc ở Việt Nam***

2. Hoạt động Hình thành kiến thức: (55-60')

1. Tìm hiểu về dân số

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát Bảng dân số các nước Đông Nam Á năm 2021 SGK tr.20 làm việc với lược đồ và thực hiện nhiệm vụ sau:
 - + *Cho biết dân số của nước ta năm 2021.*
 - + *So sánh số dân nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực.*

BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Tên nước	Số dân (nghìn người)	Tên nước	Số dân (nghìn người)
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753	Cam-pu-chia	16 589
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880	Lào	7 425
Việt Nam	98 504 ⁽¹⁾	Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601	Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1 321
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798	Bru-nây (Brunei)	445
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574	(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022, ⁽¹⁾ Số liệu Việt Nam lấy theo Niên giám thống kê 2022)	

- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:

+ *Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người).*

+ *Dân số nước ta năm 2021 ít hơn 2 quốc gia Indonesia và Philippines.*

+ *Dân số nước ta năm 2011 nhiều hơn so với Thái lan, Myanmar, Malaysia, Cam-pu-chia, Lào, Singapore, Timor-Leste, Brunei.*

- GV hỏi thêm câu hỏi mở rộng:

+ *Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á?*

+ *Nước ta có dân số đứng thứ mấy Đông Nam Á?*

- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:

+ *Indonesia có dân số đông nhất Đông Nam Á là 273 753 nghìn người.*

+ *Dân số nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á.*

- GV cho HS xem video “Dân số Việt Nam chạm ngưỡng 100 triệu người”

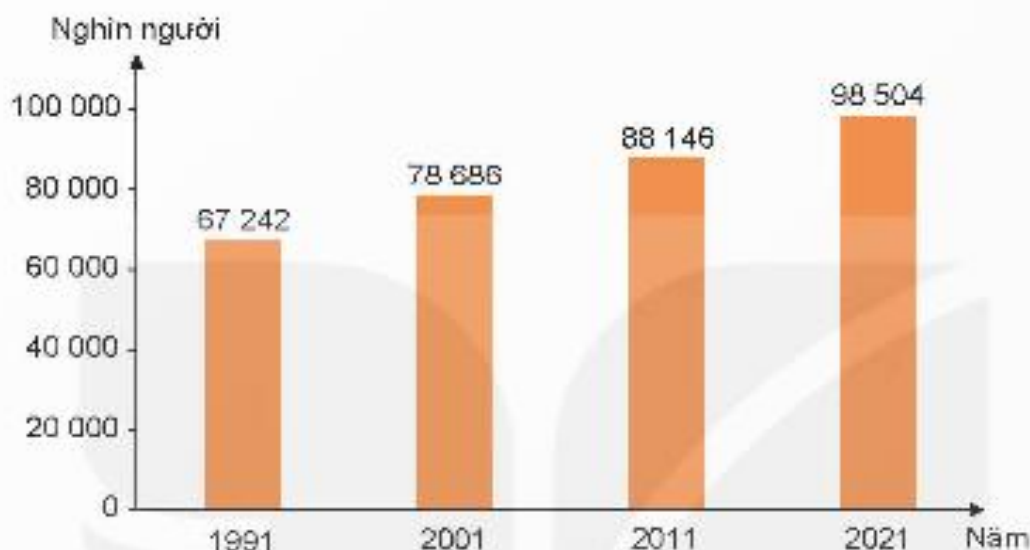
<https://youtu.be/sD-giQaSeNU>

2. Tìm hiểu về gia tăng dân số

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục, biểu đồ hình 1 về số dân Việt Nam giai đoạn 1991 - 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ *Nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021.*

+ *Nêu một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam.*



▲ **Hình 1.** Biểu đồ số dân của Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam các năm)

- GV hướng dẫn HS cách nhận xét biểu đồ để rút ra kết luận về sự gia tăng dân số ở Việt Nam:

+ *Quan sát các cột thể hiện số dân có chiều hướng cao lên liên tục hay thấp đi.*

+ *Dựa vào con số ở trên cột để tính được số lượng tăng lên từ năm 1991-2021 (30 năm).*

+ *Tính trung bình mỗi năm tăng lên bao nhiêu nghìn người.*

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nêu câu hỏi mở rộng cho HS:

+ ***Dân số Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021 tăng lên liên tục.***

+ ***Từ năm 1991 – 2021 (30 năm) dân số Việt Nam tăng thêm 31 262 nghìn người.***

+ ***Trung bình mỗi năm dân số Việt Nam tăng khoảng 1 triệu người.***

+ ***Dân số nước ta tăng khá nhanh. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm.***

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4 HS) và trả lời câu hỏi: *Dân số tăng nhanh có tác động gì đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta?*
- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức cho HS:
 - + *Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.*
 - + *Tuy nhiên, dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục...*
 - + *Đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.*
- GV cho HS xem thêm một số hình ảnh về tác động của dân số đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta
- GV cho HS xem video về “Tăng trưởng dân số thế giới và tác động tới kinh tế toàn cầu”

https://youtu.be/LnUOEVI_95w

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5’)

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu: *Đọc lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao nhất và 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số thấp nhất.*
- GV mời đại diện một số HS trình bày trước lớp. Các nhóm khác quan sát, nhận xét.
 - GV ghi nhận đáp án hợp lí
 - Nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC

BÀI 2: EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV chuẩn bị một số phiếu ghi thông tin (khoảng 4 phiếu), mỗi phiếu ghi tên 1 HS trong lớp.
- GV chọn một số HS có những điểm khác biệt đặc trưng so với các bạn khác về đặc điểm ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
- GV mời 2 HS tham gia (1 nam, 1 nữ), mỗi em bốc 1 phiếu và mô tả đặc điểm của bạn có tên trong phiếu.
- GV mời các bạn còn lại đoán tên của “người bí ẩn” trong phiếu.
- GV nêu câu hỏi cho cả lớp: *Vì sao các em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)
- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động Hình thành kiến thức (23-25')

Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu

- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa SGK tr.12.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
 - + *Bạn nào trong tranh thể hiện tôn trọng sự khác biệt?*
 - + *Em hãy nêu biểu hiện sự tôn trọng sự khác biệt trong các tranh trên.*
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 – 6 HS để thảo luận, trao đổi, thống nhất câu trả lời theo mẫu sau:

Tranh	Nhân vật thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt	Biểu hiện sự tôn trọng sự khác biệt
1
2
3

- GV mời đại diện 3 – 4 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án tham khảo:

Tranh	Nhân vật thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt	Biểu hiện sự tôn trọng sự khác biệt
1	Bạn nữ	Khen chiếc váy của bạn người dân tộc.
2	Bạn nữ tóc ngắn	Đề cao sở thích tốt của bạn – đọc sách.
3	Bạn nữ	Khuyên bạn nam không được trêu bạn vì bạn nói lắp.
4	Bạn nữ đeo cặp sách màu xanh	Giải thích lí do bạn về sớm để các bạn khác hiểu, tôn trọng quyết định của bạn.
5	Bạn nữ buộc tóc cam	Chủ động hỗ trợ và hòa đồng với bạn mới.
6	Hai bạn nữ	Thái độ không hài lòng với những lời chế giễu và an ủi bạn mình.

- GV yêu cầu HS: *Em hãy kể thêm một số biểu hiện thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt với mọi người xung quanh.*

- GV mời HS giơ tay phát biểu. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét và chốt đáp án:

+ *Hòa đồng, thân thiện với mọi người xung quanh.*

+ *Lắng nghe, thấu hiểu về mặt cảm xúc của người xung quanh.,*

+ *Thể hiện sự nhiệt tình và hỗ trợ mọi người khi cần.*

+ *Chủ động mời mọi người tham gia các hoạt động có tính gắn kết, chia sẻ.*

+ *Không có thái độ miệt thị, cô lập, đánh giá chủ quan về những điểm khác biệt của mọi người.*

+ *Không có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng về điểm khác biệt của mọi người....*

- GV cho HS xem đoạn video về sự tôn trọng sự khác biệt của người khác.

<https://youtu.be/XXv006Pxrck>

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và yêu cầu trả lời câu hỏi:

+ *Bạn nhỏ trong câu chuyện có thái độ như thế nào đối với em bé ngoại quốc?*

+ *Bạn nhỏ đã có những lời nói, hành vi gì?*

+ *Bạn nhỏ đã nhận ra điều gì sau câu chuyện?*

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, chốt đáp án:

+ *Bạn nhỏ có thái độ xa lánh, không thân thiện với em bé ngoại quốc vì em bé ngoại quốc có những đặc điểm khác biệt về ngoại hình, ngôn ngữ, phong tục với bạn.*

+ *Bạn nhỏ có những lời nói thiếu tôn trọng đối với sự khác biệt của em bé ngoại quốc: “Trông nó thật kì quái” và hành động đẩy ngã em bé.*

+ *Bạn nhỏ đã nhận ra bản thân cần tôn trọng những điểm khác biệt của người xung quanh, cần có thái độ, hành vi và lời nói phù hợp với mọi người.*

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức cho HS: *Hãy kể về một lần em không được người khác tôn trọng sự khác biệt. Khi đó, em cảm thấy như thế nào? Em hãy rút ra bài học từ câu chuyện của bản thân.*

- GV gợi ý cho HS một số hình thức thể hiện:

+ *Tình huống đó xảy ra vào lúc nào, khi nào?*

+ *Tình huống xảy ra thế nào?*

+ *Em xử lý tình huống như thế nào?*

+ *Em rút ra bài học gì cho bản thân?*

- GV mời một số HS trình bày. HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: *(Phụ lục nếu có)*

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em (tiết 14)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thông qua hoạt động:
- + Giới thiệu được về bản thân ở một thời điểm trong quá khứ qua hình ảnh được lưu giữ.
- + HS nhận diện được sự thay đổi của bản thân (về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách...) ở thời điểm hiện tại so với trước đây.
- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi ***Em của năm học đã qua.***
- GV phổ biến luật chơi: *Giáo viên chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ các thành viên trong nhóm quan sát và nêu ngoại hình và sở thích của bạn trong nhóm trong năm học cũ.*
- GV lấy ví dụ để HS hiểu rõ luật chơi:
 - + *Bạn A của năm học cũ để tóc dài, thích chơi cầu lông.*
 - + *Bạn B của năm học cũ cắt tóc ngắn, thích chơi đá bóng...*
- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ: *Sau khi chơi xong, em đã thấy được những đặc điểm nổi bật gì của bản thân trong năm học cũ?*
- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Trò chơi giúp em nhận biết được những đặc điểm của bản thân trong năm học cũ. Những đặc điểm đó có thể thay đổi với mỗi cá nhân, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – Tuần 5 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Chúng mình đã lớn.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')

Hoạt động 1: Cùng chơi Đố bạn

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Giới thiệu được về bản thân ở một thời điểm trong quá khứ qua hình ảnh được lưu giữ.
- Thể hiện và trải nghiệm các cảm xúc tích cực khi tham gia trò chơi.

b. Cách tiến hành:

- GV giới thiệu cả lớp cùng tham gia trò chơi *Đố bạn*.
- GV phổ biến cách chơi:
- + HS chơi theo nhóm.
- + Từng thành viên trong nhóm lấy ngẫu nhiên một bức ảnh đã chuẩn bị và đố các bạn biết bức ảnh chụp hình vào thời điểm nào.
- + Các bạn trong nhóm cùng đoán thời điểm chụp bức ảnh.
- + Chủ nhân của bức ảnh sẽ giới thiệu với các bạn về những kỉ niệm khi chụp bức ảnh đó.
- GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi *Đố bạn*.
- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia trò chơi.
- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.
- GV kết luận: *Mỗi người đều lớn dần theo năm tháng và mỗi thời điểm sẽ có những kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ. Các bức ảnh chụp trong từng thời điểm có thể giúp chúng ta lưu giữ, nhớ đến bản thân trong những khoảnh khắc hoặc kỉ niệm quý giá có liên quan.*



Hoạt động 2: Nhận diện những thay đổi của bản thân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận diện được sự thay đổi của bản thân (về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách...) ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

b. Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: *Mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.*

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây về:

+ Ngoại hình: chiều cao, cân nặng, vóc dáng...

+ Sở thích.

+ Ước mơ.

+ Tính cách.

+ Năng lực tham gia tổ chức các hoạt động.

- GV hướng dẫn HS ghi lại ra giấy sự thay đổi của bản thân.

- GV khuyến khích HS trình bày bằng cách liệt kê các gạch đầu dòng hoặc sơ đồ tư duy.

Nhiệm vụ 2: *Chia sẻ về ý nghĩa của các truyền thống nhà trường*

- GV mời một số HS trình bày sự thay đổi của bản thân trước lớp và chia sẻ cảm xúc về sự thay đổi của thân.

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.



Năm lớp 3, tớ mới bắt đầu học chơi cờ vua. Còn bây giờ, tớ đã là thành viên đội tuyển Cờ vua của trường.

Trước kia, tớ rất ngại khi đứng trước đám đông. Nhưng bây giờ, tớ đã tự tin thể hiện khả năng ca hát trước lớp.

3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Trò chơi đổ bọ!

Câu 1: Những dấu hiệu về sự lớn lên về thể chất dễ thấy nhất là gì?

- A. Cân nặng, tác phong.
- B. Chiều cao, khuôn mặt
- C. Chiều cao, cân nặng.
- D. Tác phong, khuôn mặt.

Câu 2: Đây là tính từ miêu tả sự thay đổi về dáng vẻ bên ngoài?

- A. Chững chạc.
- B. Khôn khéo.
- C. Chăm chỉ.
- D. Tỉ mỉ.

Câu 3: Theo em, trưởng thành là gì?

- A. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức và hành động
- B. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ.
- C. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ và hành động
- D. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động.

Câu 4: Khi so sánh số đo chiều cao và cân nặng của bản thân qua các năm, em thấy điều gì?

- A. Bản thân có sự thay đổi về mặt thể chất.
- B. Bản thân có sự thay đổi về mặt nhận thức.
- C. Bản thân có sự thay đổi về tâm lí.
- D. Bản thân có sự thay đổi về góc nhìn.

Câu 5: Đâu không phải yếu tố thay đổi của cá nhân theo thời gian?

- A. Sở thích.
- B. Xuất thân.
- C. Ước mơ.
- D. Ngoại hình.

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	A	C	A	B

- Nhận xét, củng cố sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt lớp: **Kịch ứng tác Em của ngày hôm qua** (tiết 15)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chơi hăng hái tham gia sinh hoạt tập thể tại lớp.
- HS tham gia sinh hoạt lớp đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 4 tháng 9.
- Nắm được kế hoạch tuần 5 tháng 9.
- Thông qua hoạt động, HS tự tin tham gia đóng kịch ứng tác thể hiện được những sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu tuần học vừa qua.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 - 5')

- GV mở bài hát “Trường em” để khởi động bài học.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')

* Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
 - Ưu điểm:
 - Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.
 - Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
 - Làm bài tập về nhà đầy đủ....
 - Nhược điểm:
 - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
 - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
 - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
 - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

* Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

* Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 2 Tháng 8

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.
 - Sinh hoạt theo chủ đề:

Hoạt động 2: Kịch ứng tác Em của ngày hôm qua

a. Mục tiêu: HS tự tin tham gia đóng kịch ứng tác thể hiện được những sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

b. Cách tiến hành

Nhiệm vụ 1: Tham gia đóng kịch ứng tác

- GV tổ chức hoạt động và giới thiệu kịch ứng tác:

+ *Kịch ứng tác là loại kịch không có sẵn kịch bản.*

+ *Các nhân vật sẽ tự sáng tạo lời thoại và làm chủ diễn biến của vở kịch.*



- GV hướng dẫn HS đóng kịch ứng tác theo các nhóm sau:

+ Một bạn nói lời dẫn mở màn kịch.

+ Các bạn trong nhóm sáng tạo nội dung và lời thoại theo diễn biến của vở kịch.

- GV tổ chức cho HS đóng kịch ứng tác có nội dung về những thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

Nhiệm vụ 2. Nhận xét vở kịch và khả năng đóng vai

- GV mời một số HS nhận xét về nội dung vở kịch và khả năng đóng vai của các bạn.

- GV đặt câu hỏi tương tác cho HS:

+ Em có cảm nhận gì sau khi xem các bạn đóng kịch?

+ Em thích phần kịch ứng tác của nhóm nào nhất? Vì sao?

- GV nhận xét và tổng kết hoạt động.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

Ký duyệt của khối trưởng

Giáo viên

Cao Thị Huê

Trương Thị Nhất

Ký duyệt của BGH

Lê Công Thắng